

Ngày 01/10/2018

**Phòng phân tích  
Công ty cổ phần  
Chứng Khoán Phú Hưng**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật  
Tiên, P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM  
Điện thoại: (84-28) 5 413 5479  
Fax: (84-28) 5 413 5472  
Customer Service: (84-28) 5 411 8855  
Call Center: (84-28) 5 413 5488  
E-mail: info@phs.vn/support@phs.vn  
Web: www.phs.vn

Xu hướng tăng của hai chỉ số tiếp tục được củng cố khi chứng khoán Việt Nam liên tục đón nhận những thông tin tích cực. Cụ thể, thông tin về việc Việt Nam được thêm vào danh sách theo dõi nâng hạng lên thị trường mới nổi loại 2 (Secondary Emerging) của FTSE Russell cùng với con số tăng trưởng GDP 9 tháng đầu năm được công bố vượt kỳ vọng (6.98%) đã hỗ trợ tâm lý giao dịch tích cực và cả hai chỉ số đồng loạt tiến lên các mốc điểm cao hơn. Đồng thời, sự tích cực này còn thể hiện qua giao dịch của khối ngoại khi tính chung cả tuần, khối này đã mua ròng hơn 400 tỷ đồng, trái ngược với tình trạng bán ròng mạnh trước đó.

Trong tuần, chỉ số VN-Index giữ vững đà tăng xuyên suốt các phiên và chính thức đóng cửa tại mức 1017.13 điểm (+1.41%), với KLGD KL bình quân đạt 198.6 triệu CP/ phiên (+1.7%), tương đương giá trị GDKL bình quân đạt 4322 tỷ/ phiên (-5.1%).

Trong tuần qua, ngoại trừ nhóm ngân hàng VCB (-2.5%), CTG (-2.0%), BID (-0.3%) diễn biến trái ngược, hầu hết các nhóm ngành trụ cột khác đều cho thấy sự tích cực. Trong đó, nhóm thực phẩm SAB (+1.6%), MSN (+2.0%), BHN (+3.6%) và bất động sản VHM (+4.4%), VRE (+10.3%), NVL (+10.6%) dẫn dắt đà tăng. Bên cạnh đó, các cổ phiếu được phẩm DHG (+3.2%), TRA (+11.2%), DMC (+10.0%) và thép HPG (+2.4%), POM (+18.8%), DTL (+7.6%) cũng gây bất ngờ khi liên tục nới rộng đà tăng tích cực.

Trong khi đó trên sàn Hà Nội, mặc dù gặp khó khăn vào 2 phiên đầu tuần, chỉ số HNX-Index vẫn đã tìm được sự đồng thuận trong 3 phiên cuối tuần và kết tuần tại mức 116.28 điểm (+0.42%), với KLGD KL bình quân đạt 55.3 triệu CP/ phiên (+1.4%), tương đương giá trị GDKL bình quân đạt 743 tỷ đồng/ phiên (+3.4%).

Áp lực điều chỉnh đến từ bộ đôi vật liệu xây dựng VCS (-2.8%), VHL (-4.5%), GMX (-9.6%) và nhựa NTP (-4.1%), DNP (-5.9%), SPP (-5.6%) đã khiến chỉ số khó lòng nới rộng hơn nữa đà tăng. Bên cạnh đó, những cổ phiếu thuộc nhóm thực phẩm HHC (-19.9%), VDL (-5.6%), HAT (-5.4%) cũng có diễn biến trái chiều. Trong khi đó ở chiều ngược lại, nhóm cổ phiếu cảng biển PHP (+5.9%), VGP (+16.1%), NAP (+7.7%) và xây dựng PHP (+5.9%), VGP (+16.1%), NAP (+7.7%) là những mã đóng góp lớn nhất cho sự hồi phục của chỉ số trong các phiên cuối tuần.

Về diễn biến của khối ngoại, khối này đảo chiều mua ròng tích cực trên sàn HOSE với giá trị đạt 467.7 tỷ đồng, trong đó tập trung mua ròng các mã HPG (+269.2 tỷ), VRE (+182.9 tỷ), STB (+131.7 tỷ), trong khi VJC (-109.1 tỷ), VCB (-96.0 tỷ), VHM (-54.1 tỷ) bị bán ròng mạnh nhất. Trên sàn Hà Nội, khối ngoại tiếp tục bán ròng tuy nhiên giá trị đã giảm nhẹ, chỉ còn 39.6 tỷ (-11.5%), trong đó các mã VGC (-31.1 tỷ), TIG (-10.9 tỷ), PVB (-10.3 tỷ) bị bán ròng mạnh nhất trong khi PVS (+18.3 tỷ), SHS (+2.6 tỷ), SHB (+2.1 tỷ) dẫn đầu trong danh sách mua ròng.

Theo quan điểm kỹ thuật, VN-Index có tuần tăng điểm thứ ba liên tiếp. Khối lượng giao dịch giao dịch gia tăng và duy trì trên mức bình quân 10 và 20 tuần hàm ý dòng tiền đang gia nhập thị trường. Không những vậy, chỉ số tiếp tục đi lên và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng phục hồi đang tiếp diễn. Thêm vào đó, các chỉ báo kỹ thuật khác, như MACD và RSI đang đi lên tích cực, cho thấy chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng 1.026 điểm (MA200). Trong trường hợp, ngưỡng kháng cự trên được chinh phục, thì ngưỡng 1.050 điểm có thể là ngưỡng kháng cự tiếp theo. Đối với sàn Hà Nội, HNX-Index cũng có diễn biến tương tự. Chỉ số cũng có tuần tăng điểm thứ ba liên tiếp và duy trì đóng cửa trên MA20, cho thấy xu hướng phục hồi ngắn hạn đang tiếp diễn, chỉ số có thể tiếp tục tiến lên thử thách ngưỡng kháng cự 117.9 điểm (MA200) trong tuần tới. Nhìn chung, xu hướng phục hồi của thị trường vẫn đang tiếp diễn, thị trường có thể tiến lên thử thách các ngưỡng kháng cự cao hơn. Do đó, chúng tôi tiếp tục duy trì khuyến nghị, nhà đầu tư có thể cân nhắc gia tăng thêm một phần nhỏ tỷ trọng danh mục vào các cổ phiếu có cơ bản tốt, kỳ vọng kết quả kinh doanh năm 2018 tăng trưởng khả quan.

# Tổng quan thị trường

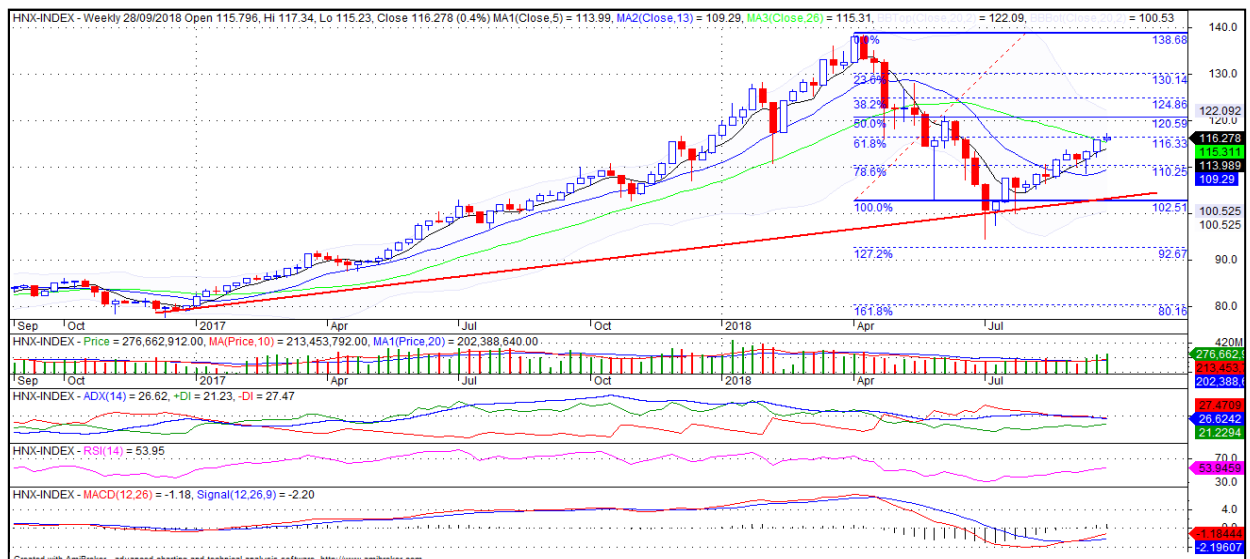
## Thị trường trong nước

Ngày tháng	Thứ 2 24/09	Thứ 3 25/09	Thứ 4 26/09	Thứ 5 27/09	Thứ 6 28/09	Tr. bình
<b>HOSE</b>	<b>1,011.29</b>	<b>1,010.74</b>	<b>1,009.61</b>	<b>1,015.37</b>	<b>1,017.13</b>	<b>1,012.83</b>
Thay đổi +/-	8.32	-0.55	-1.13	5.76	1.76	2.83
Thay đổi %	0.83	-0.05	-0.11	0.57	0.17	-0.42
Khối lượng (tr.CP)	169.40	198.24	219.90	180.96	224.57	198.61
Giá trị (tỷ đồng)	3,743.6	3,923.7	4,560.8	4,242.6	5,137.0	4,321.6
Đầu tư nước ngoài	46.6	81.5	26.4	101.4	211.8	93.5
<b>HNX</b>	<b>115.59</b>	<b>115.52</b>	<b>115.58</b>	<b>116.08</b>	<b>116.28</b>	<b>115.81</b>
Thay đổi +/-	-0.21	-0.07	0.06	0.50	0.20	0.10
Thay đổi %	-0.18	-0.06	0.05	0.43	0.17	0.08
Khối lượng (tr.CP)	48.63	59.26	54.35	58.11	56.34	55.34
Giá trị (tỷ đồng)	598.4	791.8	742.3	790.2	792.0	742.95
Đầu tư nước ngoài	-5.1	-24.4	-15.1	-1.0	6.1	-7.91

### VN-Index



### HNX-Index



**TOP 10 mã cổ phiếu trong tuần**
**HOSE**
**Top 10 tăng giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
ATG	2.2	3,058.6	28.4%
TNT	2.4	2,057.1	27.6%
PXT	2.6	295.2	26.0%
HVG	6.7	8,397.5	25.9%
AGF	6.6	42.0	24.8%
ACL	17.8	87.5	24.1%
FTS	16.8	1,066.3	21.1%
POM	18.3	368.4	18.8%
AAM	13.4	41.3	18.6%
ABT	41.3	23.8	18.3%

**Top 10 giảm giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
DTT	11.7	0.7	-20.5%
SMA	12.2	2.7	-13.3%
PNC	13.3	10.4	-12.7%
VNS	16.1	77.2	-10.9%
FCM	8.0	24,352.2	-10.5%
DAG	7.5	2,636.9	-9.5%
RIC	6.0	110.1	-9.2%
CLL	27.5	12.7	-8.1%
PPI	1.2	1,580.3	-7.6%
ICF	1.8	9.4	-7.4%

**Top 10 giá trị**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	42.3	1,215.8	2.4%
VJC	151.5	851.5	1.4%
VIC	98.3	835.8	-0.3%
CTG	27.6	749.3	-2.0%
VPB	26.8	710.3	1.9%
MBB	23.1	697.8	0.7%
GEX	28.8	671.0	3.4%
STB	13.5	661.5	6.4%
VRE	41.9	657.8	10.3%
SBT	21.2	615.3	1.0%

**HNX**
**Top 10 tăng giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
MEC	3.4	29.5	36.2%
INC	6.3	3.4	35.1%
ART	10.5	5,364.6	29.6%
SDG	32.3	0.3	28.1%
MAS	55.5	55.1	25.3%
VNC	49.0	17.8	23.3%
V21	21.3	0.5	23.2%
BTS	5.3	48.9	19.6%
NST	13.1	2.9	19.2%
PGT	4.4	3.6	18.1%

**Top 10 giảm giá**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	KLGD (nghìn CP)	Thay đổi (%)
VE8	5.5	0.6	-29.8%
VNF	28.6	0.3	-26.8%
DZM	1.9	36.5	-21.9%
L18	8.1	4.4	-20.0%
HHC	76.6	0.8	-19.9%
SRA	29.2	356.1	-19.7%
STC	23.9	0.4	-19.7%
DIH	14.6	11.9	-18.9%
LCS	2.8	7.9	-18.5%
CET	3.2	511.8	-16.5%

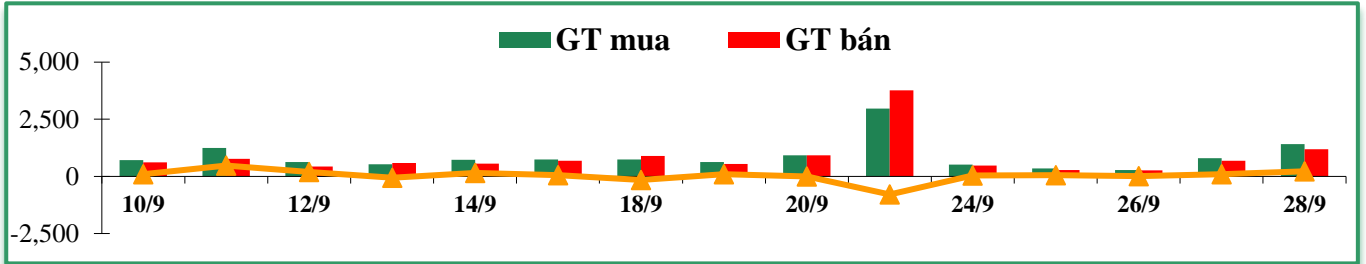
**Top 10 giá trị**

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	23.2	664.0	0.1%
ACB	34.1	563.6	-0.9%
SHB	9.1	504.8	2.3%
VCG	19.2	276.1	6.0%
VGC	19.1	216.9	0.6%
TNG	17.5	182.3	15.0%
VCS	96.0	150.3	-2.8%
HUT	5.9	148.9	11.2%
SHS	16.8	139.2	1.2%
AMV	30.0	97.3	6.0%

## Giao dịch nhà đầu tư nước ngoài

Sàn GD	KL mua		KL bán		GT mua		GT bán		Mua-Bán
	Triệu CP	% +/-	Triệu CP	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	Tỷ đồng	% +/-	Tỷ đồng
HOSE	75.0	-24%	56.1	-53%	3,284.0	-44%	2,816.3	-58%	467.7
HNX	3.1	-53%	7.9	-49%	54.1	-51%	93.7	-40%	-39.6
Tổng	78.1	-26%	64.0	-52%	3338.1	-44%	2909.9	-57%	428.1

### Biểu đồ giao dịch nhà đầu tư nước ngoài



### HOSE

#### Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
HPG	42.3	269.2	2.4%
VRE	41.9	182.9	10.3%
STB	13.5	131.7	6.4%
DXG	30.1	63.2	1.1%
MSN	92.8	59.5	2.0%
SSI	33.5	41.3	1.8%
BMP	63.5	40.9	5.5%
KBC	12.7	30.9	2.0%
NVL	66.5	30.1	10.6%
CTD	166.0	28.9	-0.6%

#### Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VJC	151.5	(109.1)	1.4%
VCB	63.0	(96.0)	-2.5%
VHM	106.0	(54.1)	4.4%
VIC	98.3	(45.5)	-0.3%
TDH	12.1	(35.9)	7.9%
VNM	137.3	(34.0)	-0.3%
GEX	28.8	(20.1)	3.4%
SBT	21.2	(18.5)	1.0%
CII	27.2	(14.7)	6.3%
DIG	17.8	(14.5)	0.3%

### HNX

#### Top 10 mua ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
PVS	23.2	18.3	0.1%
SHS	16.8	2.6	1.2%
SHB	9.1	2.1	2.3%
VCG	19.2	1.8	6.0%
NTP	49.4	0.8	-4.1%
CDN	15.9	0.7	-0.1%
VNR	23.0	0.4	0.9%
DGC	43.6	0.3	2.1%
NBP	13.7	0.3	0.9%
THT	6.5	0.3	1.6%

#### Top 10 bán ròng

Mã CK	Giá đóng cửa ('000)	Giá trị (tỷ đồng)	Thay đổi (%)
VGC	19.1	(31.1)	0.6%
TIG	3.1	(10.9)	7.0%
PVB	23.1	(10.3)	8.4%
VCS	96.0	(5.8)	-2.8%
CSC	26.0	(3.5)	11.6%
BVS	14.9	(1.6)	0.7%
ART	10.5	(1.1)	29.6%
VGS	9.9	(1.0)	2.1%
TNG	17.5	(1.0)	15.0%
DBC	29.3	(0.8)	-2.3%

## Khuyến cáo

Những thông tin trên đã được biên soạn từ những nguồn mà chúng tôi cho là đáng tin cậy. Tuy nhiên, chúng tôi không chịu trách nhiệm về tính đầy đủ cũng như tính chính xác của nó. Những quan điểm và ước tính trong báo cáo này là những nhận định tại thời điểm của báo cáo và có thể thay đổi mà không cần báo trước. Báo cáo chỉ mang tính tham khảo và quý nhà đầu tư cần tự chịu trách nhiệm về quyết định đầu tư của mình.

**© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS).**

Tòa nhà CR3-03A, Tầng 3, 109 Tôn Dật Tiên, Phường Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Customer Service: (+84-28) 5 411 8855 Call Center: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: [info@phs.vn](mailto:info@phs.vn) / [support@phs.vn](mailto:support@phs.vn) Web: [www.phs.vn](http://www.phs.vn)

**PGD Phú Mỹ Hưng**

Tòa nhà CR2-08, 107 Tôn Dật Tiên,

P. Tân Phú, Quận 7, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5478

Fax: (+84-28) 5 413 5473

**Chi nhánh Quận 3**

Tầng 2, Tòa nhà Phương Nam,

157 Võ Thị Sáu, Quận 3, Tp.

HCM

Điện thoại: (+84-28) 3 820 8068

Fax: (+84-28) 3 820 8206

**Chi Nhánh Thanh Xuân**

Tầng 1, Tòa nhà 18T2, Lê Văn

Lương, Trung Hòa Nhân Chính,

Quận Thanh Xuân, Hà Nội.

Phone: (+84-24) 6 250 9999

Fax: (+84-24) 6 250 6666

**Chi nhánh Tân Bình**

Tầng trệt, P. G.4A, Tòa nhà E-Town

2, 364 Cộng Hòa, Phường 13, Quận

Tân Bình, Tp.HCM.

Điện thoại: (+84-28) 3 813 2405

Fax: (+84-28) 3 813 2415

**Chi Nhánh Hà Nội**

Tầng 3, Tòa nhà Naforimex,

19 Bà Triệu, Q. Hoàn Kiếm, Hà

Nội

Phone: (+84-24) 3 933 4560

Fax: (+84-24) 3 933 4820

**Chi nhánh Hải Phòng**

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần

Hưng Đạo, Quận Hồng Bàng, Hải

Phòng

Phone: (+84-225) 384 1810

Fax: (+84-225) 384 1801